

3'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc 4 đoạn. + GV lưu ý HS : <ul style="list-style-type: none"> - 4 đoạn văn của bạn Hồng Chưa được hoàn chỉnh. Các em sẽ giúp bạn hoàn chỉnh bằng cách viết thêm ý vào những chỗ có dấu... + Mỗi em các em cố gắng hoàn chỉnh cả 4 đoạn văn. - GV giúp HS những HS gặp khó khăn. + Gọi HS lần lượt đọc kết quả bài làm. + Hướng dẫn HS nhận xét và bổ sung nếu có + GV nhận xét, khen một số HS có những ý văn hay sát với ý của mỗi đoạn 3 <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Đọc nhiều lần hai bài văn tham khảo về văn miêu tả cây cối. - Dặn HS chuẩn bị bài sau <i>Tóm tắt tin tức</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm bài. + Lắng nghe. - HS tự suy nghĩ để hoàn thành yêu cầu vào vở hoặc vào giấy nháp. - 4 HS làm bài vào phiếu học tập, mỗi em làm 1 đoạn. + Tiếp nối nhau đọc kết quả bài làm. - HS ở lớp lắng nghe nhận xét và bổ sung. - 4 HS làm bài trên phiếu dán kết quả và đọc bài làm. - HS nhận xét bài làm của 4 bạn.
----	--------------------	---	--

Tiết 119: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - Củng cố về phép trừ phân số.

2. Kỹ năng: - Thực hiện được phép trừ hai phân số, trừ một số tự nhiên cho một phân số, trừ một phân số cho một số tự nhiên.

3. Thái độ: GD cho HS tư duy sáng tạo, tư duy lôgic.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. GV: Bảng nhóm.

2. HS: SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3-5'	A. Kiểm tra bài cũ	+ Muốn thực hiện phép trừ hai phân số khác mẫu số chúng ta làm như thế nào? - GV nhận xét.	- 2 HS lên bảng nêu. - HS dưới lớp theo dõi để nhận xét.
1'	B. Bài mới 1. Giới thiệu bài 2. Hướng dẫn luyện tập	- Luyện tập. - GV ghi tựa lên bảng.	- HS lắng nghe. - Nhắc lại tựa bài.
6'	Bài 1: Tính	- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đọc bài làm trước lớp. - GV nhận xét HS.	- Cả lớp lắng nghe ghi nhớ cùng làm bài. - 1 HS đọc bài làm của mình trước lớp, HS cả lớp cùng theo dõi và nhận xét. a) $\frac{8}{3} - \frac{5}{3} = \frac{3}{3} = 1$ b) $\frac{15}{5} - \frac{9}{5} = \frac{6}{5}$ c) $\frac{21}{8} - \frac{3}{8} = \frac{18}{8}$
8'	Bài 2: Tính	- GV yêu cầu HS tự làm bài. - Gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét.	- HS đối chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - 2 HS lên bảng làm bài. - HS cả lớp làm bài vào vở. a) $\frac{3}{4} - \frac{2}{7} = \frac{21}{28} - \frac{8}{28} = \frac{13}{28}$ b) $\frac{3}{8} - \frac{5}{16} = \frac{6}{16} - \frac{5}{16} = \frac{1}{16}$ c) $\frac{7}{5} - \frac{2}{3} = \frac{21}{15} - \frac{10}{15} = \frac{11}{15}$

10'	Bài 3: Tính(theo mẫu)	<p>- GV viết lên bảng $2 - \frac{3}{4}$ và hỏi: Hãy nêu cách thực hiện phép trừ trên.</p> <p>- GV nhận xét các ý kiến của HS, sau đó hướng dẫn cách làm theo yêu cầu của bài như sau:</p> <p>+ Hãy viết 2 thành phân số có mẫu số là 4.</p> <p>+Thực hiện phép trừ $2 - \frac{3}{4}$.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm các phần còn lại của bài, sau đó chữa bài trước lớp.</p>	<p>-Một số HS nêu ý kiến trước lớp.</p> <p>$+ 2 = \frac{8}{4}$ (Vì $8 : 4 = 2$)</p> <p>+ HS thực hiện:</p> <p>$2 - \frac{3}{4} = \frac{8}{4} - \frac{3}{4} = \frac{5}{4}$</p> <p>- HS làm bài vào vở, sau đó 1 HS đọc bài làm của mình trước lớp, cả lớp theo dõi và kiểm tra lại bài làm của bạn và của mình.</p> <p>a) $2 - \frac{3}{2} = \frac{4}{2} - \frac{3}{2} = \frac{1}{2}$</p> <p>b) $5 - \frac{14}{3} = \frac{15}{3} - \frac{14}{3} = \frac{1}{3}$</p> <p>c) $\frac{37}{12} - 3 = \frac{37}{12} - \frac{36}{12} = \frac{1}{12}$</p>
8'	Bài 4:Rút gọn rồi tính.	<p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Mỗi phân số có nhiều cách rút gọn. Bài yêu cầu chúng ta rút gọn rồi tính, vì thế khi rút gọn các em cần nhằm và chọn cách rút gọn sao cho được kết quả là các phân số cùng mẫu số để tiện cho việc thực hiện phép tính.</p> <p>- GV chữa bài của HS trên bảng, sau đó nhận xét .</p>	<p>- Rút gọn phân số rồi tính.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 2 phần, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- HS theo dõi bài chữa của GV, sau đó đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p>
2'	3. Củng cố, dặn dò	<p>- Nêu cách thực hiện phép trừ 2 phân số khác mẫu số.</p> <p>- Dặn HS chuẩn bị bài sau: <i>luyện tập chung</i></p>	<p>- HS nêu.</p> <p>- Cả lớp lắng nghe ghi nhớ về nhà thực hiện.</p>

ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG (Tiếp theo)

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức và kỹ năng:

- Nêu được vai trò của ánh sáng:
- Đối với đời sống của con người: có thức ăn, sưởi ấm, sức khỏe.
- Đối với động vật: di chuyển, kiếm ăn, tránh kẻ thù.

2. Thái độ: Yêu thích tìm hiểu thiên nhiên.

II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. GV: - Một số khăn sạch để chơi bịt mắt

- Phiếu học tập

2. HS: SGK, vở ghi.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Tg	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3'	A/ KTBC:	1) Ánh sáng ảnh hưởng như thế nào đối với đời sống thực vật? 2) Nhu cầu về ánh sáng của thực vật như thế nào?	- 2 hs trả lời
2'	B/ Bài mới: * Khởi động: Tổ chức trò chơi "Bịt mắt bắt dê"	- Nhận xét. - Khi bịt mắt lại em cảm thấy thế nào? - Các em có dễ dàng bắt được "dê" không?	- Vài hs lên thực hiện. - Rất tối - Rất khó bắt vì không nhìn thấy gì cả Lắng nghe
1'	1) Giới thiệu bài: 2) Bài mới: <u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với đời sống của con người. Mục tiêu: Nêu ví dụ về vai trò của ánh sáng đối với sự sống của con người.	- Các em hãy suy nghĩ và tìm ví dụ về vai trò của ánh sáng đối với sự sống của con người? - Ghi nhanh câu ví dụ của hs vào 2 cột + Cột 1: Vai trò của ánh sáng đối với việc nhìn, nhận biết thế giới, hình ảnh, màu sắc. + Cột 2: Vai trò của ánh sáng đối với sức khỏe con người. - Giảng bài: Tất cả các sinh vật trên Trái đất đều sống nhờ vào năng lượng từ ánh sáng mặt trời... - Quan sát các hình SGK/96 . Các em hãy tưởng tượng xem	- Suy nghĩ và lần lượt phát biểu ý kiến + Giúp ta nhìn thấy mọi vật , phân biệt được màu sắc, phân biệt được thức ăn, nước uống, nhìn thấy các hình ảnh của cuộc sống... + Ánh sáng giúp sưởi ấm cho cơ thể... - Lắng nghe - Nếu không có ánh sáng thì Trái đất sẽ tối đen như mực. Con người không được đi...

<p>15'</p>	<p><u>Hoạt động 2:</u> Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với đời sống của động vật.</p> <p>Mục tiêu: Kể ra vai trò của ánh sáng đối với đời sống động vật. Nêu ví dụ chứng tỏ mỗi loài động vật có nhu cầu ánh sáng khác nhau và ứng dụng của kiến thức đó trong chăn nuôi.</p>	<p>cuộc sống của con người sẽ ra sao nếu không có ánh sáng? - Ánh sáng có vai trò như thế nào đối với sự sống của con người? (tham khảo mục bạn cần biết) Kết luận: Mục bạn cần biết SGK/96</p> <p>- Các em hãy thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi sau: (phát câu hỏi cho các nhóm)</p> <p>1) Kể tên một số động vật mà bạn biết. Những con vật đó cần ánh sáng để làm gì?</p> <p>2) Kể tên một số động vật kiếm ăn vào ban đêm, một số động vật kiếm ăn vào ban ngày?</p> <p>3) Em có nhận xét gì về nhu cầu ánh sáng của các động vật đó?</p> <p>4) Trong chăn nuôi người ta đã làm gì để kích thích cho gà ăn nhiều, chóng tăng cân và đẻ trứng nhiều?</p> <p>- Gọi đại diện các nhóm trả lời - Cùng hs nhận xét, bổ sung - Quan sát các hình SGK/97, các em hãy tưởng tượng xem loài vật sẽ ra sao nếu không có ánh sáng? Kết luận: Mục bạn cần biết SGK/97</p> <p>- Ánh sáng có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người của động vật ?</p>	<p>- Ánh sáng tác động lên mỗi chúng ta trong suốt cả cuộc đời. ...</p> <p>- Vài hs đọc</p> <p>- Làm việc nhóm 4</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày (mỗi nhóm 1 câu)</p> <p>1) Tên một số loài động vật: mèo, chó, hươu, nai, tê giác, chuột, rắn, voi...</p> <p>2) Động vật kiếm ăn vào ban ngày: gà, vịt, trâu, ... Động vật kiếm ăn vào ban đêm: sư tử, mèo,...</p> <p>3) Các loài động vật khác nhau có nhu cầu về ánh sáng khác nhau, có loài cần ánh sáng, có loài ưa bóng tối.</p> <p>4) Trong chăn nuôi người ta dùng ánh sáng điện để kéo dài thời gian ...</p> <p>- Nhận xét, bổ sung</p> <p>- Không có ánh sáng loài vật sẽ không tìm được thức ăn, nước uống,</p> <p>- Vài hs đọc to trước lớp</p>
<p>2'</p>	<p><u>C/ củng cố, dặn dò:</u></p>	<p>- Về nhà xem lại bài - Bài sau: Ánh sáng và việc bảo vệ đôi mắt.</p>	

Hướng dẫn học Tiếng Việt

ÔN TẬP

I- Mục tiêu:

- Giúp HS nắm vững cấu tạo, tác dụng của câu kể Ai là gì?
- Biết tìm câu kể Ai là gì? Trong đoạn văn, biết đặt câu kể Ai là gì? Để giao tiếp và nhận định về 1 người, 1 vật.

II- Đồ dùng:

- Bảng phụ ghi sẵn câu văn ở phần nhận xét.

III- Các hoạt động - dạy học:

Tg	Nội dung	HD của GV	HD của HS
1p	1. Ôn định:		
	2. Bài cũ:		
35p	3. Bài mới: <u>Hoạt động 1.</u> <i>Ôn lại KT</i> <u>Hoạt động 2.</u> <i>Phần luyện tập.</i>	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu bài- Cho HS đọc lại phần ghi nhớ- GV hướng dẫn HS làm bài tập ở tiết học trong sách Tiếng Việt nâng cao. Bài 1.<ul style="list-style-type: none">- Tìm câu kể ai là gì? trong các câu dưới đây...- Nêu tác dụng của những câu đó.Bài 2.<ul style="list-style-type: none">- Tập dùng câu kể Ai là gì? giới thiệu về các bạn trong lớp em (hoặc giới thiệu từng người trong ảnh chụp gia đình em.) GV tổ chức. Giáo viên và HS bình chọn .	<ul style="list-style-type: none">- 4 học sinh đọc nội dung ghi nhớ.- Đọc phân tích yêu cầu.-HS làm bài và trình bày bài.+ Nêu miệng a, Câu giới thiệu về thứ máy mới. b,c... Đọc yêu cầu của bài. Giải thích các bạn trong lớp.
4p	4. Cũng cố, dặn dò.	<ul style="list-style-type: none">- Tóm tắt nội dung bài, nhận xét giờ.	

LUYỆN TỪ VÀ CÂU VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ?

I. MỤC TIÊU:

- 1.Kiến thức: - Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể *Ai là gì?*
- 2.Kĩ năng: - Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai là gì?* bằng cách ghép 2 bộ phận câu (BT1, BT2, mục III) ; biết đặt 2, 3 câu kể *Ai là gì?* Dựa theo 2, 3 từ ngữ cho trước (BT3, mục III).
- 3.Thái độ: - Gd HS vận dụng nói viết đúng ngữ pháp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- 1.GV: - Hai tờ giấy khổ to viết 6 câu kể *Ai là gì ?* trong đoạn văn ở phần nhận xét (mỗi câu 1 dòng)
- 2.HS: - SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3-5'	A.Kiểm tra bài cũ	- Gọi HS lên bảng, mỗi HS viết một đoạn văn giới thiệu về 1 bạn với các bạn trong tổ có sử dụng kiểu câu kể <i>Ai là gì?</i> hoặc giới thiệu về tâm hình của gia đình. - Nhận xét đoạn văn của từng HS đặt trên bảng.	- HS thực hiện viết. - HS khác nhận xét bạn.
1'	B. Bài mới		- Lắng nghe.
12'	1. Giới thiệu bài 2.Phần nhận xét	+ Đoạn văn có mấy câu? Đó là những câu nào? - Những câu nào có dạng câu kể <i>Ai là gì ?</i> - Gọi HS lên bảng xác định chủ ngữ, vị ngữ - Nhận xét, kết luận lời giải đúng. + Những từ ngữ nào có thể làm vị ngữ trong câu kể <i>Ai là gì?</i>	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập. - Đoạn văn có 4 câu. - Câu 1: Một chị phụ nữ nhìn tôi cười, hỏi - Câu 2: Em là con nhà ai mà đến giúp chị chạy muối thế này ? - Câu 3: Em là cháu bác Tụ. - Câu 4: Em về làng nghỉ hè + Em là cháu bác Tụ. - Nhận xét, bổ sung bài bạn. - 1 HS làm bảng lớp, cả lớp gạch bằng chì vào SGK. 1. <u>Em</u> / <u>là cháu bác Tụ</u> . CN VN - Vị ngữ trong câu trên do danh từ và các từ kèm theo nó (cụm danh từ) tạo thành

3-4' 15'	<p>3. Ghi nhớ</p> <p>4. Luyện tập</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p><u>Bài 3:</u></p>	<p>- Vị ngữ trong câu có ý nghĩa gì ?</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p> <p>- Gọi HS đặt câu kể <i>Ai là gì ?</i> Phân tích chủ ngữ và vị ngữ từng câu.</p> <p>- Chia nhóm. Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Nhóm nào làm xong trước lên bảng.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Kết luận về lời giải đúng.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Gọi 2 HS đọc lại kết quả làm bài:</p> <p>- Gọi HS nhận xét, kết luận lời giải đúng</p> <p>- Yêu cầu học sinh tự làm bài.</p> <p>- Gọi HS đọc bài làm.</p> <p>- GV sửa lỗi và nhận xét.</p> <p>- Trong câu kể <i>Ai là gì ?</i> vị ngữ do từ loại nào tạo thành ? Nó có ý nghĩa gì ?</p> <p>- Dặn HS về nhà học bài. Chuẩn bị bài: Chủ ngữ trong câu kể <i>Ai là gì?</i></p>	<p>- Trả lời cho câu hỏi <i>là gì?</i>.</p> <p>- 2 HS đọc thành tiếng.</p> <p>- Tiếp nối đọc câu mình đặt.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Hoạt động nhóm đôi.</p> <p>- Nhận xét, bổ sung hoàn thành phiếu.</p> <p>- Các câu kể <i>Ai là gì ?</i> có trong đoạn thơ:</p> <p>- Người / <u>là Cha, là Bác, là Anh.</u></p> <p style="text-align: center;">VN</p> <p>- Quê hương/ <u>là chùm khế ngọt.</u></p> <p style="text-align: center;">VN</p> <p>- Quê hương / <u>là đường đi học.</u></p> <p style="text-align: center;">VN</p> <p>- Nhận xét bài nhóm bạn.</p> <p>- 1 HS đọc thành tiếng.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, HS dưới lớp làm vào vở.</p> <p>+ Nhận xét bổ sung bài bạn</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài tập.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, HS dưới lớp làm vào SGK.</p> <p>- Nhận xét chữa bài trên bảng</p> <p>- Vị ngữ trong câu kể <i>Ai là gì?</i> do danh từ và các từ kèm theo nó (cụm danh từ) tạo thành. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi <i>là gì?</i>.</p> <p>- Thực hiện theo lời dặn của giáo viên.</p>
2'	5. Củng cố, dặn dò		

TOÁN

Tiết 120: LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức và kỹ năng: -Thực hiện được cộng, trừ phân số, cộng (trừ) một số tự nhiên với (cho) một phân số, cộng (trừ) một phân số với (cho) một số tự nhiên.

- Biết tìm thành phần chưa biết trong phép cộng phép trừ phân số.

2. Thái độ: - GD cho HS tính cẩn thận, chính xác khi học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. GV: - Bảng nhóm.

2. HS: SGK , vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3-5'	A.Kiểm tra bài cũ	-Nêu cách trừ hai phân số? -GV nhận xét.	- 2 HS nêu. - HS dưới lớp nhận xét.
1'	B. Bài mới 1. Giới thiệu bài	- Trong giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục làm các bài tập luyện tập về phép cộng và phép trừ các phân số. - GV ghi bài lên bảng.	- HS lắng nghe. - 1HS nhắc lại bài.
10'	2.Hướng dẫn luyện tập Bài 1: Tính	+ Muốn thực hiện phép cộng, hay phép trừ hai phân số khác mẫu số chúng ta làm như thế nào? - GV yêu cầu HS làm bài.	- Chúng ta quy đồng mẫu số các phân số sau đó thực hiện phép cộng, trừ các phân số cùng mẫu số. - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. b) $\frac{3}{5} + \frac{9}{8} = \frac{24}{40} + \frac{45}{40} = \frac{69}{40}$ c) $\frac{3}{4} - \frac{2}{7} = \frac{21}{28} - \frac{8}{28} = \frac{13}{28}$
10'	Bài 2: Tính	- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó nhận xét bài làm HS. -Tiến hành tương tự như bài tập 1. -Lưu ý: Yêu cầu khi làm phân c, HS phải viết 1 thành phân số có mẫu số là 3 rồi tính;	- HS nhận xét bài bạn, sau đó tự kiểm tra bài của mình. - Cả lớp làm bài vào vở. b) $\frac{7}{3} - \frac{5}{6} = \frac{42}{18} - \frac{15}{18} = \frac{27}{18} = \frac{3}{2}$ c) $1 + \frac{2}{3} = \frac{9}{3} + \frac{2}{3} = \frac{11}{3}$

12'	Bài 3: Tìm x.	<p>+ Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? + Trong phần a, em làm thế nào để tìm được x ?</p> <p>- GV hỏi tương tự với các phần còn lại của bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS cả lớp làm bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p>	<p>- Tìm x.</p> <p>- HS đọc lại đề bài phần a và trả lời: a. x là số hạng chưa biết trong phép cộng b). x là số bị trừ chưa biết trong phép trừ. c). x là số trừ chưa biết trong phép trừ.</p> <p>- 3 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>a) $x + \frac{4}{5} = \frac{3}{2}$ b) $x - \frac{3}{2} = \frac{11}{4}$ $x = \frac{3}{2} - \frac{4}{5}$ $x = \frac{11}{4} + \frac{3}{2}$ $x = \frac{7}{10}$ $x = \frac{34}{8}$</p> <p>c) $\frac{25}{3} - x = \frac{5}{6}$ $x = \frac{25}{3} - \frac{5}{6}$ $x = \frac{135}{18}$</p> <p>- HS theo dõi bài chữa của GV, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- HS nêu.</p> <p>- Cả lớp lắng nghe ghi nhớ về nhà thực hiện.</p>
2'	3. Củng cố, dặn dò	<p>- Tiết học củng cố cho ta những kiến thức gì? - Dặn HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau: phép nhân phân số</p>	

Tập làm văn TÓM TẮT TIN TỨC

I. MỤC ĐÍCH- YÊU CẦU

- HS hiểu thế nào là tóm tắt tin tức, cách tóm tắt tin tức.